TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 424/2022/HSST
Ngày 27/9/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Thẩm phán: Bà Ngô Tuyết Băng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Thiện

2. Ông Triệu Quang Định

3. Ông Đinh Hoài Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Phí Thành Chung - Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 27/9/2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 344/2022/TLST-HS ngày 30/8/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 440/2022/QĐXXST-HS ngày 12/9/2022 đối với bị cáo:

Phạm Thế T, sinh năm 1973, tại tỉnh N; ĐKHKTT và chỗ ở: thôn Đ1, xã L, huyện ĐA, thành phố H; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Phạm Thế Vĩnh, sinh năm 1950; Con bà: Đỗ Thị Nụ, sinh năm 1950; Vợ: Nguyễn Thị Thanh Nga, sinh năm 1980; Có 01 con: sinh năm 2007; Danh chỉ bản số 112 lập ngày 12/01/2022 tại Công an huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt theo Lệnh truy nã; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/01/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an Thành phố Hà Nội (*Có mặt tại phiên tòa*).

**** Bị hại:***

1. Anh Tạ Thanh T1, sinh năm 1977; ĐKHKTT: thôn Đ2, xã N, huyện ĐA, Thành phố H. (*Có mặt tại phiên tòa*).

2. Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và phát triển nhà H; Địa chỉ: số 65 ngõ 144 phố Q, phường N, quận T, Thành phố H. Do: Anh Phan Văn T2 - Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty. (*Có mặt tại phiên tòa*).

3. Công ty Cổ phần Thương mại và sản xuất HC; Địa chỉ: số nhà 63, tổ 6, thị trấn ĐA, huyện ĐA, thành phố H. Do: Anh Nguyễn Văn X - Giám đốc là đại diện theo pháp luật của công ty; Địa chỉ: thôn Đ3, xã U, huyện ĐA, thành phố H. (*Vắng mặt tại phiên tòa*).

**** Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thế T:***

Luật sư **Đỗ Thị Hương** - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Bảo Tâm, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (*Có mặt tại phiên tòa*).

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Nguyễn Văn G; ĐKHKTT: Ngõ 1 số 20 phố H, phường Ô, quận Đ, Thành phố H. Đang chấp hành án tại Trạm giam Phú Sơn 4 thuộc C10 Bộ Công an. (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

2. Anh Bùi Đức C; ĐKHKTT: Tổ 6, Quốc Bảo, phường HL, quận HM, Thành phố H. Chỗ ở: 161 đường NH, quận HM, Thành phố H. (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

3. Công ty bảo hiểm PVI Đ; Địa chỉ: tầng 5 và 6 Tòa nhà Vietbank Office số 70-72 BT, quận HK, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Thế T – Giám đốc; đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến M – Trưởng phòng Tổng hợp Công ty.

4. Ông Phạm Thế G, sinh năm 1981 (Em trai bị cáo Phạm Thế T); Trú tại: Xóm 15, xã NT, huyện NH, tỉnh NĐ.

*** Người làm chứng:** Anh Trần Thanh H; ĐKHKTT: 53/28 đường TB, phường TTX, thành phố NĐ, tỉnh NĐ. Đang chấp hành án tại Trạm giam Ninh Khánh - Bộ Công an. (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/11/2009, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện ĐA tiếp nhận đơn của anh Đinh Quang K (sinh năm 1980, trú tại: Xóm T, UN, huyện ĐA, H) tố giác Phạm Thế T chiếm đoạt chiếc xe ô tô Huyndai Sonata N20 BKS 30T-5882. Ngày 17/11/2009, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện ĐA tiếp nhận đơn của anh Nguyễn Quang C (sinh năm 1988 trú tại 65/144 QN, quận TX, H) đại diện Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà H tố giác Phạm Thế T chiếm đoạt chiếc TOYOTA INNOVA BKS 29Y- 9574.

Quá trình điều tra xác định:

Từ tháng 07/2009 đến tháng 11/2009, do vay mượn, nợ tiền nhiều người, không có khả năng chi trả nên Phạm Thế T đã nảy sinh ý định thuê xe ô tô để mang đi cầm cố lấy tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân. Sau khi đã cầm cố các xe ô tô trên cho người khác, T đều nhắn tin cho các chủ xe biết thông tin số điện thoại, tên của người mà T đã mang xe ô tô đến cầm cố để các chủ xe tự liên hệ và chuộc lại xe ô tô của mình. Cụ thể như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt (xe ô tô BKS: 29Y-9574 và xe ô tô BKS: 30T-7334 trị giá 1.320.000.000 đồng) của Công ty CP tư vấn đầu tư và phát

triển nhà H do anh Phan Văn T2 - giám đốc công ty là đại diện theo pháp luật (sinh năm 1976; Địa chỉ: 65/144 đường QN, phường NC, quận TX, H).

Ngày 07/7/2009, Phạm Thế T đến trụ sở Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và phát triển nhà H (gọi tắt là Công ty phát triển H), địa chỉ: phòng 101H6 tập thể TC, quận BĐ, TP H gặp anh Phan Văn T2 là Giám đốc Công ty, thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, sơn màu đen BKS: 29Y-9574 để tự lái, anh T2 đồng ý. Cùng ngày, anh T2 và T có lập hợp đồng cho thuê xe với giá là 800.000 đồng/ngày, thời gian thuê từ 16 giờ 30 ngày 07/7/2009 đến 16 giờ 30 ngày 16/7/2009, khi giao xe anh T2 đã giao cho T 01 đăng ký xe (bản photo công chứng), 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe (bản chính), 01 sổ kiểm định của xe ô tô (bản photo công chứng) và 01 giấy xác nhận của Ngân hàng VPBank - Phòng giao dịch Cầu giấy xác nhận xe ô tô trên đang là tài sản thế chấp tại Ngân hàng (bản Photo công chứng) tất cả các giấy tờ trên đều đứng tên Công ty phát triển H, ngày 16/7/2009 đến hạn trả xe, T đã mang xe ô tô trên giao lại cho anh T2 theo đúng thoả thuận. Do trước đó khoảng năm 2009, T có vay số tiền mặt 120.000.000 đồng của Nguyễn Văn G (sinh năm 1981; Địa chỉ: VL, xã XC, huyện ĐA, H, hiện nay đang là phạm nhân chấp hành án phạt tù tại Trại giam Phú Sơn 4 - Bộ Công an) để chi tiêu cá nhân, khi cho vay các bên không có giấy tờ gì biên nhận, G cũng không tính lãi cho khoản vay này. Đến khoảng tháng 10/2009, G yêu cầu T trả lại số tiền trên, lúc này do không có tiền trả nên ngày 20/10/2009, T tiếp tục đề nghị anh T2 cho thuê chiếc xe ô tô trên từ ngày 20/10/2009 đến ngày 30/10/2009, anh T2 đồng ý và các bên tiếp tục ghi thêm nội dung gia hạn cho thuê xe tại bản hợp đồng cho thuê xe ô tô đề ngày 07/7/2009. Ngay sau khi thuê được xe, T đã gọi điện thoại nói với G là đã mượn được chiếc xe ô tô của bạn và sẽ mang đến chỗ G để làm tin, đảm bảo cho khoản vay trước đó T vay của G và G đồng ý. Khi T giao xe cho G các bên không viết giấy tờ gì xác nhận với nhau, do đã trao đổi trước với G nên khi mang xe ô tô đến T không giới thiệu thêm gì về chiếc xe này với G và G cũng không hỏi, T cam kết khoảng 7 đến 10 ngày sau sẽ quay lại trả tiền và lấy xe ôtô về, sau đó T giao tất cả các giấy tờ của xe ô tô trên cho G quản lý.

Ngoài ra khoảng năm 2009, Phạm Thế T còn vay số tiền mặt 300.000.000 đồng của Trần Thanh H (sinh năm 1979; Địa chỉ: số 53/28 đường TB, phường TTX, thành phố NĐ, tỉnh NĐ, hiện nay đang là phạm nhân chấp hành án phạt tù tại Trại giam Ninh Khánh - Bộ Công an) để chi tiêu cá nhân, khi vay tiền các bên không có giấy tờ gì biên nhận, H cũng không tính lãi cho khoản vay này. Đến khoảng tháng 10/2009, H yêu cầu T trả lại số tiền trên, lúc này do không có tiền trả nên ngày 20/10/2009, T tiếp tục liên hệ với anh T2 đề nghị thuê thêm xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry, màu sơn đen, BKS: 30T-7334, anh T đồng ý, cùng ngày anh T2 và T lập hợp đồng cho thuê xe, giá thuê xe là 1.600.000 đồng/ngày, thời gian thuê từ ngày 20/10/2009 đến ngày 30/10/2009. Khi giao xe anh T2 giao cho T 01 giấy đăng ký xe (bản photo công chứng), 01 giấy chứng nhận kiểm định (bản chính), tất cả các giấy tờ trên đều đứng tên Công ty phát triển H. Sau khi nhận được chiếc xe này, T gọi điện thoại nói với H là đã mượn được chiếc xe ô tô của bạn và sẽ mang đến chỗ H để làm tin, đảm bảo cho khoản vay trước đó T vay của H và H đồng ý (hai bên thoả thuận chiếc xe ô tô trên đặt để đảm bảo cho số tiền 150.000.000 đồng/300.000.000 đồng trước đó T vay của H). Sau đó, H yêu cầu T điều khiển xe ô tô đến nhà anh Trần Doãn V (sinh năm 1975; Địa chỉ: Đường 10, xã MT, huyện ML, tỉnh NĐ là

nhà người quen của H) để xe ô tô trên tại đây, khi giao xe các bên không có giấy tờ gì biên nhận, do đã trao đổi trước với H nên khi mang xe ô tô đến T không giới thiệu thêm gì về chiếc xe này với H và H cũng không hỏi, T cam kết khoảng 10 đến 20 ngày sau sẽ quay lại trả tiền và lấy xe ôtô về. Ngày 30/10/2009, hết hạn hợp đồng thuê xe không thấy T quay lại trả xe, anh T2 điện thoại thì T trả lời bận việc chưa về trả xe được hẹn 02 ngày sau sẽ về trả xe. Sau đó anh T2 có đến nhà của T để gặp T nhưng không gặp. Ngày 02/11/2009, anh T2 nhận được tin nhắn từ số thuê bao 01227335685, tự nhận tên là T, nội dung tin là: " *Anh T2 à, do gặp nhiều vấn đề trục trặc nên em không lấy xe về cho anh đúng hẹn được. Mong anh tha lỗi cho em. Anh yên tâm, chậm nhất là ngày thứ năm em sẽ mang xe về trả cho anh.. em T*". Đến ngày 05/11/2009, anh T2 nhận được tin nhắn từ số thuê bao 01227335685, người nhắn xưng tên là T, nội dung tin là: "*Anh T2 à. Em đã cố gắng thu xếp để lấy xe trả cho anh nhưng không thể lấy được anh ạ. Chuyện của em nghiêm trọng quá rồi. Vì nợ nần nên phải vay lãi xuất quá cao. Em bị bọn nó ép vào bước đường cùng nên đã mù quáng, dại dột thuê xe của anh để đem đi cầm cố lấy tiền trả cho bọn nó ... Giờ em nói cho anh những thông tin để anh biết và bố trí lấy xe về. Chiếc xe Innova em thế chấp cho người tên là G điện thoại 0984999999. Cửa hàng ở cạnh chợ trung tâm ĐA, thị trấn ĐA, ĐA, H. Quê quán VL, XC, ĐA, H. Nhà riêng ở phố, H. Xe này em nghĩ nó để ở H. Còn chiếc xe camry em thế chấp cho H, điện thoại 0979056666. Quê quán chợ ĐT, NĐ, vợ tên là H, điện thoại 0902023393. Nhà riêng mới thuê ở địa chỉ số 8 ngách 1, ngõ l ngõ K, KT, H. Xe này em nghĩ nó để ở TP. NĐ. Em T*". Ngày 17/11/2009, Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và phát triển nhà H làm đơn trình báo Cơ quan điều tra.

Ngày 02/12/2009, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện ĐA đã tạm giữ chiếc xe ô tô Toyota Camry, BKS: 30T-7334 tại nhà anh Trần Doãn V; ngày 03/12/2009, G đã mang xe ô tô Innova BKS: 29Y-9574 đến Công an huyện ĐA .

Ngày 15/12/2009, Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Đông Anh kết luận xe Toyota Inova BKS: 29Y-9574 trị giá 420.000.000 đồng và xe ô tô Toyota Camry BKS: 30T-7334 trị giá 900.000.000 đồng, tổng giá trị là 1.320.000.000 đồng.

Ngày 06/01/2010, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đông Anh đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả chiếc xe ô tô Toyota Inova BKS: 29Y-9574 ; Xe ô tô Toyota Camry BKS: 30T-7334 cho Công ty Cổ phần tư vấn và phát triển nhà H do anh Phan Văn T2 làm Giám đốc.

Tại Cơ quan điều tra Phạm Thế T, anh Phan Văn T2, Trần Doãn V, Nguyễn Văn G, Trần Thanh H và những người liên quan khai nhận như nội dung trên. Trần Thanh H khai từ trước đến nay giữa H và T không có việc vay mượn tiền với nhau, lý do T mang chiếc xe ô tô Toyota Camry, BKS: 30T-7334 để tại nhà của Trần Doãn V do hôm đó H rủ T đến nhà V chơi, sau đó xe ô tô trên bị hỏng nên T có nhờ V cho để nhờ xe ô tô trên tại nhà, do nể H nên V đã đồng ý. Tại Cơ quan điều tra Trần Doãn V khai, trước khi T mang xe ô tô trên để tại nhà V, H có gọi điện cho V nhờ để chiếc xe ô tô trên tại nhà V mấy hôm, do nể H nên V đã đồng ý, V không biết nguồn gốc chiếc xe ô tô trên là của ai. Đến nay anh Phan Văn T2, Nguyễn Văn G, Trần Thanh H không có yêu cầu gì về việc Phạm Thế T phải bồi thường bất kể khoản tiền nào cho mình.

Cơ quan điều tra đã trích xuất đoạn tin nhắn giữa anh T2 và người có số thuê bao 01227335685 tự nhận tên là T thể hiện nội dung tin nhắn phù hợp với lời khai của anh T. Tại Cơ quan điều tra Phạm Thế T thừa nhận trước khi bỏ trốn T có sử dụng số điện thoại 01227335685 và nhắn các nội dung trên cho anh T2, mục đích để anh T2 chủ động liên hệ với G và H để chuộc lại xe ô tô của mình.

Cơ quan điều tra đã đề nghị nhà mạng Mobifone cung cấp thông tin về chủ thuê bao, cuộc gọi đi, gọi đến, tin nhắn đi, tin nhắn đến của số điện thoại 01227335685 (đây là số điện thoại T và các bị hại khai nhận sau khi thuê xe của các bị hại mang đi cầm cố cho người khác xong T đã dùng số điện thoại này để nhắn tin cho các bị hại). Tuy nhiên do thời gian đã lâu nên nhà mạng Mobifone không cung cấp được thông tin về chủ thuê bao, cuộc gọi đi, gọi đến, tin nhắn đi, tin nhắn đến của số điện thoại trên**.**

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận Phạm Thế T đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Phan Văn T2 1.320.000.000 đồng (chiếm đoạt chiếc xe ô tô Toyota Inova BKS: 29Y-9574 trị giá 420.000.000 đồng; Xe ô tô Toyota Camry BKS: 30T-7334 trị giá 900.000.000 đồng) Anh T đề nghị xử lý Phạm Thế T theo quy định của pháp luật và không yêu cầu bồi thường gì.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt (chiếc xe ô tô DAEWOO Gentra BKS: 30F-3105 trị giá 270.000.000 đồng) của anh Tạ Thanh T1 (sinh năm 1977; Địa chỉ: thôn Đ, xã NH, huyện ĐA, H) :

Khoảng năm 2009, thông qua mối quan hệ xã hội anh Tạ Thanh T1 quen Phạm Thế T. Do T thường xuyên thuê anh T1 chở đi các tỉnh, bằng xe ô tô nhãn hiệu DAEWOO Gentra, sơn màu trắng BKS: 30F-3105 nên đến ngày 05/10/2009, T nói với anh T1 muốn thuê chiếc xe ô tô của anh T1 để đi giải quyết công việc tại QN, do T là khách quen nên anh T1 đồng ý, anh T1 và T thoả thuận cho T thuê xe ô tô từ ngày 05/10/2009 đến ngày 10/10/2009, giá thuê xe là 700.000 đồng/ngày (nhưng T chưa trả tiền thuê xe cho anh T1), hai bên có ký hợp đồng thuê xe với nhau, anh T1 có giao cho T 01 giấy đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận đăng kiểm và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm, tất cả đều là bản gốc và đứng tên anh T1. Đến tối ngày 13/10/2009, T mang xe ô tô và các giấy tờ trên trả cho anh T1. Do thời điểm này T cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân nên khoảng 14h00 ngày 15/10/2009, T thuê anh T1 chở đến tỉnh BN để công tác. Đến khoảng 16h40 cùng ngày anh T1 chở T về đến địa phận xã NH, huyện ĐA, T nói với anh T1 muốn thuê xe ô tô 01 ngày để giải quyết việc Công ty, anh T1 đồng ý và cho T thuê xe đến ngày 16/10/2009, T phải trả xe ô tô cho anh T1, khi giao xe ô tô trên cho T, anh T1 có giao các giấy tờ của xe bản chính cho T cầm quản lý luôn, giữa hai bên không lập giấy tờ gì về việc giao xe, ngay sau đó T điều khiển xe ô tô trên đến cửa hàng cầm đồ, địa chỉ: Tổ 1 Q, phường HL, quận HM, thành phố H gặp Bùi Đức C (sinh năm 1974; Địa chỉ: tổ 6 QB, phường HL, quận HM, thành phố H là chủ cửa hàng cầm đồ) nói với C *"đang cần tiền muốn cầm xe ô tô này",* C hỏi T *"mới mua xe à",* T nói *"mới mua lại xe ô tô nhưng chưa kịp làm sang tên xe, do cần tiền nên muốn cầm cố chiếc xe ô tô này cho C",* hai bên thoả thuận cầm cố chiếc xe ô tô trên với giá 200.000.000 đồng, nhưng do hôm đó C không có đủ tiền nên có hẹn T khi nào gom đủ tiền thì sẽ chủ động liên hệ với T để làm thủ tục cầm cố chiếc ô tô trên, T đồng ý và điều khiển xe ô tô trên đi về. Khoảng 20 giờ ngày 16/10/2009, T gọi điện thoại cho anh T1 nói dối trên đường T lái xe từ

QN đến khu vực ngã ba B, tỉnh HD bị va chạm giao thông và bị trạm Cảnh sát giao thông Ba Hàng giữ xe ô tô của anh T1 lại nên chưa giao xe ô tô đúng hạn được. Đến ngày 17/10/2009, C gom đủ tiền nên đã liên lạc với T để nhận cầm cố chiếc xe ô tô trên, do T có việc bận nên hẹn C đúng 12 giờ mang tiền đến khu phố CVA, thuộc quận BĐ, thành phố H (không rõ địa chỉ cụ thể) để giao nhận xe và làm thủ tục cầm cố. Đến 12 giờ cùng ngày, C đi một mình đến phố CVA, tại đây C giao số tiền mặt 200.000.000 đồng cho T để cầm cố chiếc xe ô tô trên, hai bên có lập phiếu cầm đồ, thời hạn cầm cố từ ngày 17/10/2009 đến ngày 05/11/2009, kèm theo các giấy tờ xe bản chính, sau đó C điều khiển xe ô tô về cửa hàng cầm đồ. Từ khi T nói xe ô tô của anh T1 gặp tai nạn tại ngã ba BH, tỉnh HD thì hàng ngày anh T1 đều liên lạc hỏi T kết quả giải quyết vụ tai nạn nhưng T nói chưa giải quyết xong, anh T1 nói với T do xe gặp tai nạn nên cần thiết phải có CMND của anh T1 hoặc anh T1 đến để giải quyết trực tiếp và nhận lại xe nên anh T1 có hẹn T ngày 22/10/2009 sẽ đến trạm Cảnh sát giao thông Ba Hàng để giao CMND của mình cho T, T đồng ý. Ngày 22/10/2009, T đến cửa hàng của C đề nghị mượn xe ô tô trên trong ngày để giải quyết công việc, C đồng ý, nhưng C chỉ giao xe ô tô cho T, còn giấy tờ xe thì không giao, sau khi nhận được xe ô tô T điều khiển xe đến trạm Cảnh sát giao thông Ba Hàng để gặp anh T1 như đã hẹn và để xe ô tô vào sân của trạm Cảnh sát giao thông Ba Hàng. Khoảng 17h30 ngày 22/10/2009, anh T1 đến trạm Cảnh sát giao thông Ba Hàng, lúc đó anh T1 đứng ở ngoài cổng thì T đi ra và nói anh T1 đưa CMND để T liên hệ với anh Y (chưa rõ nhân thân, lý lịch) là lãnh đạo trạm Cảnh sát giao thông Ba Hàng làm thủ tục xin xe. Sau khi nhận được CMND từ anh T1, T gọi điện thoại nói chuyện với người nào đó khoảng 30 phút (do thời gian đã lâu nên T không nhớ thời điểm đó đã gọi điện thoại nói chuyện với ai lúc đó), sau đó T ra nói với anh T1 *"Anh Y nói đã muộn rồi, anh Y đang đi công việc không giải quyết được, để ngày mai"*, sau đó T nói anh T1 cứ về trước mai giải quyết được T sẽ mang xe trả lại cho anh T1, do tin tưởng nên anh T1 đồng ý và đi về trước, ngay sau đó T đã điều khiển xe ô tô trên về cửa hàng của C để giao lại xe. Đến ngày 23/10/2009, anh T1 gọi điện thoại cho T hỏi kết quả giải quyết, T nói chưa xong và liên tục trì hoãn việc trả xe. Đến ngày 31/10/2009, anh T1 gọi điện thoại cho T nhưng không liên lạc được, nên anh T1 đã đến nhà T hỏi thông tin thì thấy khoá cửa. Ngày 01/11/2009, nhận thấy anh T có hành vi lừa đảo nên anh T1 đã đến trạm Cảnh sát giao thông Ba Hàng hỏi, thì được biết họ không giải quyết vụ tai nạn giao thông nào liên quan đến xe ô tô của anh T1. Đến khoảng 6h30 ngày 02/11/2009, anh T1 nhận được tin nhắn từ số điện 01227335685, tự nhận là T với nội dung: *"T1 à, anh mong em hãy thứ lỗi và hiểu, thông cảm cho hoàn cảnh hiện tại của anh. Do gặp trục trặc nên anh đã không mang xe về cho em đúng hẹn được. Mong em hãy yên tâm và đừng làm gì cho vất vả ... anh T!"*. Đến 6h18 ngày 05/11/2009, anh T1 nhận được tin nhắn từ số thuê bao 01227335685, người nhắn xưng tên là T, nội dung tin là: *"T1 à, anh quỳ lạy xin lỗi em ... giờ anh nói cho e những thông tin để em biết và bố trí lấy xe vì chiếc xe của em anh thế chấp cho người tên C, nhà ở mặt đường Giải Phóng kéo dài, cách ngã ba Pháp Vân khoảng 2km ... số điện thoại 0912418800 ... anh T"*.

Ngày 05/11/2009, Cơ quan điều tra – Công an thành phố Hà Nội đã tạm giữ chiếc xe ô tô nhãn hiệu DAEWOO Gentra, BKS: 30F-3105

Ngày 11/11/2009, Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện ĐA kết luận số 298 xe ô tô DAEWOO Gentra, BKS: 30F-3105 trị giá 270.000.000 đồng.

Ngày 03/12/2009, Cơ quan CSĐT- Công an huyện ĐA đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả chiếc xe ô tô DAEWOO Gentra, BKS: 30F-3105 cho anh Tạ Thanh T1 là chữ sở hữu.

Cơ quan điều tra đã trích xuất đoạn tin nhắn giữa anh T1 và người có số thuê bao 01227335685 tự nhận tên là T thể hiện nội dung tin nhắn phù hợp với lời khai của anh T1. Tại Cơ quan điều tra Phạm Thế T thừa nhận trước khi bỏ trốn T có sử dụng số điện thoại 01227335685 và nhắn các nội dung trên cho anh T1, mục đích để anh T1 chủ động liên hệ với C để chuộc lại xe ô tô của mình.

Cơ quan điều tra đã đề nghị nhà mạng Mobifone cung cấp thông tin về chủ thuê bao, cuộc gọi đi, gọi đến, tin nhắn đi, tin nhắn đến của số điện thoại 01227335685 (đây là số điện thoại T và các bị hại khai nhận sau khi thuê xe của các bị hại mang đi cầm cố cho người khác xong T đã dùng số điện thoại này để nhắn tin cho các bị hại). Tuy nhiên do thời gian đã lâu nên nhà mạng Mobifone không cung cấp được thông tin về chủ thuê bao, cuộc gọi đi, gọi đến, tin nhắn đi, tin nhắn đến của số điện thoại trên**.**

Xác minh tại trạm Cảnh sát giao thông Ba Hàng xác định: Thời điểm trên Trạm Cảnh sát giao thông Ba Hàng không tiếp nhận xử lý vụ tai nạn giao thông nào liên quan đến chiếc xe ô tô BKS: 30F-3105. Từ tháng 10/2009 trạm Cảnh sát giao thông Ba Hàng không có cán bộ, chiến sỹ nào tên là Y công tác tại đơn vị.

Ngày 10/05/2022 Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP Hà Nội kết luận số 2908 giám định chữ viết, chữ ký của Phạm Thế T và anh Tạ Thanh T1 tại giấy Hợp đồng thuê xe, không đề ngày, tháng, năm giữa anh T1 và T thể hiện việc anh T1 cho T thuê xe ô tô trên và giám định chữ ký, chữ viết của Phạm Thế T và Bùi Đức C tại phiếu cầm đồ kiêm khế ước, không đề ngày, tháng, năm giữa T và C thể hiện việc T cầm cố chiếc xe ô tô trên cho C xác định: Là chữ ký, chữ viết của Phạm Thế T, anh Tạ Thanh T1 và Bùi Đức C ký và viết ra.

Tại Cơ quan điều tra Phạm Thế T, anh Tạ Thanh T1, Bùi Đức C và những người liên quan khai nhận phù hợp với nội dung vụ án.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận Phạm Thế T đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Tạ Thanh T1 270.000.000 đồng (chiếc xe ô tô DAEWOO Gentra, BKS: 30F-3105 trị giá 270.000.000 đồng) anh T1 đề nghị xử lý Phạm Thế T theo quy định của pháp luật và không yêu cầu bồi thường gì.

3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt (chiếc xe ô tô Huyndai Gets BKS: 30S-2612 trị giá 351.000.000 đồng) của anh Nguyễn Văn X (sinh năm 1970; Địa chỉ: Đản Mỗ, xã Uy Nỗ, huyện ĐA, TP H).

Do trước đó Phạm Thế T có vay của Trần Thanh H số tiền mặt 300.00.000 đồng (như đã nêu tại vụ việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Phan Văn T), đến thời điểm tháng 10/2009 H yêu cầu T trả số tiền trên, do không có tiền trả cho H, T đã nảy sinh ý định thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry, màu sơn đen, BKS: 30T-7334 của anh Phan Văn T đặt cho H làm tin để đảm bảo cho khoản vay 150.000.000 đồng/300 triệu đồng. Do vẫn chưa đủ số tiền cần phải trả cho H nên ngày 19/10/2009, T đến Công ty CP TM & SX HC (gọi tắt là Công ty HC), địa chỉ: số 67,

tổ 7, thị trấn ĐA, huyện ĐA, TP Hà Nội do anh Nguyễn Văn X là Giám đốc, thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Gets, BKS: 30S-2612 để tự lái, anh X đồng ý, hai bên thoả thuận cho T thuê xe từ ngày đã giao xe ô tô cho T, cùng 01 đăng ký xe, 01 giấy kiểm định và 01 giấy bảo hiểm xe tất cả đều là bản phô tô công chứng đứng tên anh X, do không có tiền để đặt cọc thuê xe ô tô nên T đã để lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade BKS: 30Z4-4365 đứng tên T cho anh X để đảm bảo cho số tiền thuê xe là 8.500.000 đồng. Sau khi nhận được chiếc xe này, T cũng gọi điện thoại nói với H là có mượn được chiếc xe ô tô của bạn nên có ý định mang xe đến chỗ H đặt để đảm bảo cho khoản vay trước đó T vay của H, H đồng ý. Hai bên thoả thuận chiếc xe ô tô trên đặt để đảm bảo cho số tiền 110.000.000 đồng/300 triệu đồng trước đó T vay của H, khi giao xe các bên không có giấy tờ gì biên nhận, T cũng không nói rõ nguồn gốc của chiếc xe và H cũng không hỏi, T cam kết khoảng 10 đến 20 ngày sau sẽ quay lại trả tiền và lấy xe ôtô về (do thời gian đã lâu nên T không nhớ rõ địa điểm giao xe ô tô này cho H1 ở đâu). Sau ngày 29/10/2009, anh X không thấy T mang xe về để kiểm tra theo thoả thuận nên đã liên lạc với T nhưng không liên lạc được. Sau đó anh X có đến nhà của T ở thôn Đ, xã NH, huyện ĐA thì được biết T đã bỏ trốn khỏi nhà đi khoảng 20 ngày, hiện nay gia đình không biết T đang ở đâu nên anh X đã tố giác hành vi của T đến Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Anh.

Ngày 07/11/2009, Cơ quan điều tra – Công an huyện Đông Anh tạm giữ chiếc xe ô tô Huyndai Gets BKS: 30S-2612 của anh X, đang gửi tại bãi xe của Bảo tàng HCM, phố N, quận BĐ, TP H do anh Lê Văn P (sinh năm 1974; địa chỉ: Tập thể bảo tàng HCM, N, quận BĐ, TP H là nhân viên bảo vệ tại Bảo tàng HCM) trông giữ. Anh P trình bày xe ô tô trên do một người đàn ông lạ mặt, không rõ tên tuổi, địa chỉ đến gửi ngày 27/10/2009, anh P không biết gì về thông tin nguồn gốc của chiếc xe ô tô.

Ngày 15/12/2009, Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Đông Anh kết luận số 351 chiếc xe ô tô Huyndai Gets BKS: 30S-2612 trị giá 351.000.000 đồng.

Ngày 06/12/2009, Cơ quan điều tra – Công an huyện Đông Anh ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả chiếc xe ô tô Huyndai Gets BKS: 30S-2612 cho anh X theo quy định.

Ngày 03/12/2009 Cơ quan điều tra- Công an huyện Đông Anh Quyết định xử lý vật chứng trả chiếc xe ô tô trên cho anh X, cùng ngày anh X cũng trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh Ng (sinh năm 1980; Địa chỉ: thôn Đoài, xã Nam Hồng, huyện ĐA, TP Hà Nội là vợ của Phạm Thế T) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade BKS: 30Z4-4305.

Tại Cơ quan điều tra Phạm Thế T, anh Nguyễn Văn X và những người liên quan khai nhận như nội dung trên. Trần Thanh H không thừa nhận có việc T đặt chiếc xe ô tô trên cho mình để đảm bảo cho khoản vay trước đó.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận Phạm Thế T đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn X 351.000.000 đồng (chiếc xe ô tô Huyndai Gets BKS: 30S-2612 trị giá 351.000.000 đồng) anh X đề nghị xử lý Phạm Thế T theo quy định của pháp luật và không yêu cầu bồi thường gì.

4. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt (chiếc xe ô tô Huyndai Sonata N20, sơn màu đen BKS 30T-5882 trị giá 730.000.000 đồng) của anh Nguyễn Quang S (sinh năm 1980; Địa chỉ: số nhà 23, tổ 1, thị trấn ĐA, huyện ĐA, TP H).

Đầu tháng 10/2009, anh Đinh Quang K (sinh năm 1980; Địa chỉ: xóm T, xã UN, huyện ĐA, Hà Nội) mượn chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Sonata N20, sơn màu đen BKS 30T-5882 của anh Nguyễn Quang S đi chơi bị va chạm giao thông, xe hư hỏng nhẹ. Do trước đó xe ô tô này có mua bảo hiểm của Công ty bảo hiểm dầu khí Đ, nay là Công ty bảo hiểm PVI Đ (gọi tắt là Công ty Đ) nên anh K có liên hệ với Công ty Đ để làm bảo hiểm cho chiếc xe ô tô trên và được Công ty hướng dẫn, cho số điện thoại của Phạm Thế T, thời điểm đó là cán bộ của Công ty Đ - Chi nhánh ĐA, sau đó anh K đã liên hệ với T và được hướng dẫn mang toàn bộ giấy tờ của xe đến Công ty Đ - Chi nhánh ĐA để làm thủ tục bảo hiểm cho xe. Ngày 06/10/2009, anh K mang toàn bộ giấy tờ xe ô tô trên đến giao cho nhân viên của Công ty Đ - Chi nhánh ĐA, do thời điểm đó anh K đi công tác ở nước ngoài nên ngày 10/10/2009, T điện thoại cho anh K hỏi *"S có tự lái xe đi bảo hiểm được không, nếu không để anh tự lái đi cho"*, anh K nói *"Anh S không lái được xe đi, anh làm cách nào để mang xe ô tô đi làm bảo hiểm thì làm giúp em"*. Do thời điểm này T cần tiền để chi tiêu cá nhân nên nhận lời mang xe đi làm bảo hiểm, sau đó T mang xe đi cầm cố cho một người đàn ông tên là C1, nhà ở thành phố HP (chưa rõ thông tin địa chỉ), hai bên thoả thuận chiếc xe ô tô trên cầm cố được số tiền 120.000.000 đồng, khi T mang xe ô tô đến gặp C1, T chỉ nói đây là xe mượn được của bạn, do cần tiền nên muốn cầm cố cho C1, còn không nói cụ thể nguồn gốc chiếc xe và C1 cũng không hỏi. Sau khi thoả thuận xong C1 giao số tiền mặt 120.000.000 đồng cho T, khi giao tiền các bên không viết giấy tờ gì biên nhận, T cam kết khoảng 10 đến 20 ngày sau T sẽ quay lại trả lại tiền và lấy xe về (do thời gian đã lâu T không nhớ rõ vị trí nhận tiền và giao chiếc xe ô tô trên cho C1). Khi anh S biết T đã lấy chiếc xe ô tô trên đi làm bảo hiểm giúp mình, thỉnh thoảng anh S vẫn liên lạc với T hỏi công việc bảo hiểm chiếc xe trên như thế nào, T vẫn nói dối và hẹn đến ngày 29/10/2009 sẽ làm xong bảo hiểm cho xe ô tô trên, quá thời hạn cam kết không thấy T bàn giao lại xe ô tô cho mình, lúc này anh S và anh K có liên lạc với T nhưng không liên lạc được. Đến ngày 04/11/2009, T sử dụng số điện thoại 01227335685 nhắn tin cho anh Sáng với nội dung *"S à, anh quỳ lạy xin lỗi em…chiếc xe của em thì C1 đang giữ, C1 nhà ở HP, điện thoại 0988776699 … anh T"*. Nhận thấy T có hành vi lừa đảo nên anh S đã đến Cơ quan điều tra – Công an huyện Đông Anh tố giác hành vi của T. Đến khoảng tháng 11/2009, Công ty Đ đã chuộc lại chiếc xe ô tô trên và trả lại cho anh S.

Ngày 31/3/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đông Anh kết luận số 87, chiếc xe ô tô Huyndai Sonata N20, sơn màu đen BKS 30T-5882 trị giá 730.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Quang S đến Cơ quan điều tra để làm rõ nội dung vụ việc, qua làm việc với ông Nguyễn Văn X (sinh năm 1950; Địa chỉ: số nhà 23, tổ 1, thị trấn ĐA, huyện ĐA, H là bố đẻ anh Nguyễn Quang S) cung cấp: Khoảng năm 2014, anh S đã cùng gia đình chuyển vào Thành phố HCM sinh sống và làm việc, ông X không nắm được gia đình anh S hiện nay đang sinh sống tại địa chỉ nào trong Thành phố HCM.

Xác minh tại Công ty Đ về việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ liên quan đến xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Sonata N20, sơn màu đen BKS 30T-5882 của anh Nguyễn Quang S xác định: Do thời gian xảy ra vụ việc đã lâu, hiện nay các cán bộ làm việc tại thời điểm đó tại Công ty đã nghỉ hưu hoặc chuyển công tác và hiện nay Công ty chưa tìm thấy hồ sơ lưu trữ liên quan đến chiếc xe ô tô trên nên không cung cấp được các thông tin cho Cơ quan điều tra. Đến nay Công ty Đ không có yêu cầu gì về việc Phạm Thế T phải bồi thường bất kể khoản tiền nào cho mình.

Cơ quan điều tra đã đề nghị nhà mạng Mobifone cung cấp thông tin về chủ thuê bao, cuộc gọi đi, gọi đến, tin nhắn đi, tin nhắn đến của số điện thoại 01227335685 (đây là số điện thoại T và các bị hại khai nhận sau khi thuê xe của các bị hại mang đi cầm cố cho người khác xong T đã dùng số điện thoại này để nhắn tin cho các bị hại). Tuy nhiên do thời gian đã lâu nên nhà mạng Mobifone không cung cấp được thông tin về chủ thuê bao, cuộc gọi đi, gọi đến, tin nhắn đi, tin nhắn đến của số điện thoại trên.

Xác minh thông tin về chủ thuê bao số điện thoại 0988776699 (theo như tin nhắn của T nhắn cho anh Sáng ngày 04/11/2009 thể hiện đây là số điện thoại người đàn ông tên C1, người mà T cầm cố xe ô tô trên) thời điểm tháng 10/2009 xác định: Chủ thuê bao là anh Đỗ Đức C (sinh năm 1980; Địa chỉ: Đội H, xã T, huyện BX, tỉnh VP). Xác minh tại Công an xã T, huyện BX, tỉnh VP về thông tin của anh Đỗ Đức C xác định: Tại địa bàn xã T không có ai là Đỗ Đức C có thông tin, địa chỉ nêu trên sinh sống trên địa bàn.

Cơ quan điều tra đã trích xuất đoạn tin nhắn giữa anh S và người có số thuê bao 01227335685 tự nhận tên là T thể hiện nội dung tin nhắn phù hợp với lời khai của anh S. Tại Cơ quan điều tra Phạm Thế T thừa nhận trước khi bỏ trốn T có sử dụng số điện thoại 01227335685 và nhắn các nội dung trên cho anh S và anh K, mục đích để anh S và anh K chủ động liên hệ với người đàn ông tên C1 để chuộc lại xe ô tô của mình.

Tại Cơ quan điều tra Phạm Thế T, anh Nguyễn Quang S, anh Đinh Quang K và những người liên quan khai nhận như nội dung trên.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận Phạm Thế T đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Quang S 730.000.000 đồng (chiếm đoạt chiếc xe ô tô Huyndai Sonata N20, sơn màu đen BKS 30T-5882 trị giá 730.000.000 đồng), anh Sáng đề nghị xử lý Phạm Thế T theo quy định của pháp luật và không yêu cầu bồi thường gì.

Tại bản Cáo trạng số 318/CT-VKS-P3 ngày 22/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố: Phạm Thế T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên toà: Bị cáo Phạm Thế T nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật và không có ý kiến gì về tội danh, điều khoản luật mà Viện kiểm sát áp dụng truy tố bị cáo với tội danh "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo ăn năn về hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại Tạ Thanh T1 có ý kiến trình bày: Nhất trí với Cáo trạng của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, đề nghị xét xử bị cáo theo qui định của pháp luật, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi và không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

- Anh Phạm Thế G1 là em trai ruột của bị cáo Phạm Thế T trình bày: Anh tự nguyện bồi thường cho anh Bùi Đức C số tiền 200.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thế T. Anh không yêu cầu bị cáo Phạm Thế T bồi hoàn.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa:* Sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Phạm Thế T và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Thế T từ 07 năm đến 08 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về dân sự: Em trai bị cáo đã tự nguyện trả thay cho bị cáo 200.000.000 đồng cho anh Bùi Đức C, anh C không có yêu cầu bồi thường dân sự nữa nên vấn đề dân sự không đặt ra.

Về vật chứng: Không.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

+ *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thế T là Luật sư Đỗ Thị Hương có quan điểm:* Nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo lần đầu phạm tội, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Quá trình bỏ trốn, bị cáo đã nhắn tin cho những người bị hại để giảm thiểu thiệt hại, khi bỏ trốn bị cáo làm ăn lương thiện, không có hành vi vi phạm pháp luật gì. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình trả anh Bùi Đức C 200.000.000 đồng nên được áp dụng tình tiết khắc phục hậu quả tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức án thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để cho bị cáo có cơ hội cải tạo, trở về chăm sóc con nhỏ.

Bị cáo Nguyễn Thế T nhất trí với quan điểm bào chữa của Luật sư tại phiên tòa và không có bổ sung gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi tranh luận tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thế T như cáo trạng đã nêu và ý kiến đã phát biểu tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Phân tích tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi,

quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội và tội danh:

Xét lời khai của bị cáo tại phiên toà, thấy phù hợp với lời khai của chính bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu được, lời khai của người làm chứng phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2009 đến tháng 11 năm 2009, Phạm Thế T do cần tiền để trả nợ nhiều người và chi tiêu cá nhân nên Phạm Thế T đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng thủ đoạn gian dối dưới hình thức thuê, mượn xe tô tô rồi đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân như sau:

Ngày 7/7/2009; ngày 20/10/2009, Phạm Thế T đến trụ sở Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và phát triển nhà H, địa chỉ P101H6 tập thể TC, quận BĐ, H gặp anh Phan Văn T là Giám đốc Công ty thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, màu đen BKS: 29Y-9574, trị giá **420.000.000** đồng đem cầm cố cho anh Nguyễn Văn G để đảm bảo cho khoản vay 120.000.000 đồng của anh G, và 01 xe ô tô Camry BKS: 30T-7334 trị giá **900.000.000** đồng đem cầm cố cho anh Trần Thanh H để đảm bảo cho khoản vay 150.000.000 đồng/300.000.000 đồng mà trước đó T vay của anh H.

Ngày 16/10/2009 Phạm Thế T thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu DAEWOO Gentra, sơn màu trắng BKS: 30F-3105, trị giá **270.000.000** đồng của anh Phạm Thanh T1 đem đi cầm cố cho anh Bùi Đức C được số tiền 200.000.000 đồng.

Ngày 19/10/2009, Phạm Thế T đến Công ty Cổ phần thương mại và sản xuất HC thuê 01 xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Gets, BKS: 30S-2612, trị giá **351.000.000** đồng, do anh Nguyễn Văn X là Giám đốc mang đi cầm cố cho anh Trần Thanh H được 110.000.000 đồng để đảm bảo cho khoản vay 300.000.000 đồng.

Ngày 10/10/2009, Phạm Thế T đã Lợi dụng là nhân viên Công ty bảo hiểm PVI Đ để đi làm bảo hiểm, sau khi được giao 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Sonata N20, sơn màu đen BKS 30T-5882 trị giá **730.000.000** đồng của anh Nguyễn Quang S, T đã mang xe đi cầm cố cho một người đàn ông tên C1 (không rõ thông tin địa chỉ) được 120.000.000 đồng.

Tổng số tài sản Phạm Thế T chiếm đoạt của 4 bị hại số tiền **2.671.000.000** đồng, Phạm Thế T chiếm hưởng sử dụng tiêu sài hết. Đến nay các bị hại đề nghị xử lý Phạm Thế T theo quy định của pháp luật.

Với hành vi phạm tội của bị cáo nêu trên, Phạm Thế T đã phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo với tội danh và điều luật như trên là đúng qui định pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Do cần tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân, Phạm Thế T đã bằng thủ đoạn gian dối dưới hình thức thuê 04 xe ô tô của các cá nhân, tổ chức để mang đi cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay nợ trước đó của Phạm Thế T. Cụ thể: 02 xe ô tô của Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và phát triển nhà H, trị giá lần lượt là 420.000.000 đồng và 900.000.000; thuê 01 xe ô tô của anh Phạm Thanh T1, trị giá 270.000.000 đồng; thuê của Công ty Cổ phần thương mại và sản xuất HC 01 xe ô tô, trị giá 351.000.000 đồng. Bên cạnh đó, Phạm Thế T còn có hành vi lợi dụng là nhân viên Công ty bảo hiểm PVI Đ, do cần tiền chi tiêu cá nhân, Phạm Thế T đã nhận lời mang xe ô tô của anh Nguyễn Quang S đi làm bảo hiểm, rồi sau đó đem xe đi cầm cố để lấy số tiền 120.000.000 đồng.

Sau khi cầm cố các xe ô tô nói trên cho người khác, T đã nhắn tin cho các chủ xe biết thông tin số điện thoại, tên của người mà T đã mang xe ô tô đến cầm cố để các chủ xe ô tô tự liên hệ và chuộc lại xe ô tô của mình.

Tổng giá trị tài sản xe ô tô được xác định là tài sản bị cáo Phạm Thế T đã chiếm đoạt của các bị hại là 2.671.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thế T đã cấu thành tình tiết định khung tăng nặng "Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 500.000.000 đồng trở lên" qui định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nhiều lần thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn, đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm khắc nhằm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

Cho đến thời điểm hiện tại, các bị hại đều đã nhận lại được các xe ô tô mà bị cáo chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại. Người nhận cầm cố xe là anh Bùi Đức C đã nhận đủ 200.000.000 đồng do bị cáo tác động gia đình bồi thường.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải, biết hối lỗi và ân hận do hành vi phạm tội của mình gây ra; giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo tích cực tác động gia đình bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả 200.000.000 đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Đức C và anh C có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bồi thường nữa; quá trình phạm tội, khi đặt tài sản ở nhà các đối tượng liên quan, T đều chủ động nhắn tin cho người bị hại biết địa chỉ cầm xe để các bị hại chủ động báo Công an và toàn bộ tài sản lừa đảo đã được thu hồi và trả cho chủ sở hữu, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có yêu cầu T phải bồi thường về dân sự nữa và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, đây là những tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội cải tạo, sớm trở về với gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Từ tháng 07/2009 đến tháng 11/2009, bị cáo đã 05 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mỗi lần thực hiện hành vi phạm tội đủ yếu tố cấu thành tội phạm độc lập nên hành vi phạm tội của bị cáo cần áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là "phạm tội 2 lần trở lên".

[5]. Các vấn đề khác của vụ án:

- Về hình phạt bổ sung: Sau khi phạm tội, bị cáo không có công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về hành vi bị cáo T lừa đảo chiếm đoạt (chiếc xe ô tô Huyndai Sonata N20, sơn màu đen BKS 30T-5882 trị giá 730.000.000 đồng) của anh Nguyễn Quang S (sinh năm 1980; Địa chỉ: số nhà 23, tổ 1, thị trấn ĐA, huyện ĐA, Hà Nội). Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Quang S đến Cơ quan điều tra để làm rõ nội dung vụ việc, qua làm việc với ông Nguyễn Văn X (sinh năm 1950; Địa chỉ: số nhà 23, tổ 1, thị trấn ĐA, huyện ĐA, H là bố đẻ anh Nguyễn Quang S) cung cấp (Bút lục 350) : Khoảng năm 2014, anh S đã cùng gia đình chuyển vào Thành phố HCM sinh sống và làm việc, ông X không nắm được gia đình anh S hiện nay đang sinh sống tại địa chỉ nào trong Thành phố HCM.

Qua lời khai của anh Đinh Quang K (các bút lục: 356, 357, 359) là người trực tiếp mang xe của anh Sáng đưa cho T để làm thủ tục sửa chữa xe ô tô thì anh K là người đại diện đứng ra làm việc với cơ quan điều tra, anh S cũng đã trực tiếp nhận lại xe ô tô từ Công ty bảo hiểm dầu khí Đ và không có đề nghị bị cáo bồi thường gì về dân sự.

- Đối với Trần Thanh H: H không thừa nhận năm 2009 cho T vay số tiền 300.000.000 đồng rồi sau đó tháng 10/2009 T mang xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry, màu sơn đen, BKS: 30T-7334 của anh Phan Văn T đến đặt cho H để đảm bảo cho khoản vay trước đó T vay của H. Tuy nhiên căn cứ tài liệu điều tra, xác định: Lời khai của T về việc đặt chiếc xe ô tô trên cho H để đảm bảo cho khoản vay 300.000.000 đồng trước đó T vay của H, T đến gặp H, T không nói rõ về nguồn gốc chiếc xe ô tô, H cũng không hỏi và cũng không có tài liệu nào xác định H biết được nguồn gốc của xe ô tô trên T lấy từ đâu, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát xác định việc H nhận cầm cố 01 xe ô tô trên để đảm bảo cho khoản vay trước đó của T là quan hệ dân sự, không có dấu hiệu tội phạm hình sự là có căn cứ. Và việc H không thừa nhận đã cho T vay tiền trước đó, không nhận cầm cố xe của T như lời khai của H tại bút lục 231, 232 nên có căn cứ Hội đồng xét xử xác định H là người làm chứng trong vụ án, không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Quá trình điều tra, Trần Thanh H đã có đầy đủ lời khai, hiện nay Trần Thanh H đang chấp hành án tại Trại giam Ninh Khánh, nên xét thấy không cần thiết sự có mặt của Trần Thanh H để làm chứng tại phiên tòa hôm nay.

- Đối với Trần Doãn V: Tài liệu điều tra, lời khai của Phạm Thế T, Trần Thanh H và những người liên quan xác định Việt không biết về nguồn gốc chiếc xe ô tô BKS: 30T-7334 là của ai. Việc chiếc xe ô tô này để tại nhà V là do trước đó H gọi điện thoại nhờ để chiếc xe ô tô trên tại nhà V mấy hôm, do nể H là chỗ người nhà nên V đồng ý. Do đó, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát xác định hành vi của Trần Doãn V không có dấu hiệu tội phạm là có căn cứ.

- Đối với hành vi của Nguyễn Văn G: Tài liệu điều tra, lời khai của Phạm Thế T cùng những người liên quan xác định: Trước khi T mang xe ô tô BKS: 29Y-9574 đến giao cho G, đảm bảo cho khoản vay trước đó T vay của G, khi giao xe các bên không viết giấy tờ gì với nhau, G cũng không hỏi thêm về nguồn gốc chiếc xe, mặt khác cũng không có tài liệu nào xác định G biết được nguồn gốc của xe ô tô trên là do T thuê của anh T. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát xác định việc G nhận giữ giúp T chiếc xe ô tô trên là để đảm bảo cho khoản vay trước đó, do đó là quan hệ dân sự giữa các bên, không có dấu hiệu tội phạm hình sự là có căn cứ.

- Đối với hành vi của Bùi Đức C: Tài liệu điều tra, lời khai của Phạm Thế T cùng những người liên quan xác định: Khi gặp C, T giới thiệu chiếc xe ô tô BKS: 30F-3105 là của T mới mua lại, nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ, do tin tưởng C đã đồng ý nhận cầm cố chiếc xe ô tô trên, tài liệu điều tra xác định C không biết việc T thuê chiếc xe ô tô trên của người khác, sau đó mang đến cầm cố cho C xác định việc C nhận cầm cố xe ô tô trên là quan hệ dân sự, không có dấu hiệu tội phạm hình sự là có căn cứ.

- Đối với người đàn ông tên C1, nhà ở tại thành phố HP C1 là người nhận cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Sonata N20, sơn màu đen BKS 30T-5882 của anh Nguyễn Quang S. Cơ quan điều tra đã xác minh thông tin của người đàn ông tên C1, nhưng đến nay chưa làm việc và xác định được thông tin của người đàn ông này hiện nay đang sinh sống tại đâu để làm rõ việc thoả thuận, nhận cầm cố chiếc xe ô tô trên. Để phục vụ công tác điều tra, Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan đến người đàn ông tên C1 để tiếp tục xác minh, làm rõ là phù hợp quy định pháp luật.

[6] Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- *Về trách nhiệm dân sự:*

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị hại đã nhận lại xe ô tô và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Trong quá trình tố tụng trước phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Văn G không yêu cầu bị cáo Phạm Thế T bồi thường. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã làm thủ tục tống đạt cho anh Nguyễn Văn G, đang chấp hành án tại Trại giám Phú Sơn 4. Anh Nguyễn Văn G có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo Phạm Thế T bồi thường thiệt hại. Xét thấy đây là quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Trường hợp khi anh G có tài liệu về việc vay mượn tiền giữa G và T thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Đức C yêu cầu Phạm Thế T phải trả lại số tiền 200.000.000 đồng. Đây là số tiền bị cáo Phạm Thế T đã nhận của anh Bùi Đức C rồi cầm cố cho anh Bùi Đức C xe ô tô DAEWOO BKS: 30F-3105, nhưng sau đó, xe ô tô đã bị thu hồi trả lại cho chủ sở hữu. Tuy nhiên, bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho anh C là 200.000.000 đồng, anh C đã nhận đủ và không yêu cầu bồi thường nữa.

- *Về xử lý vật chứng:* Vật chứng của vụ án đã được giải quyết trong giai đoạn điều tra là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Thế T** phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Phạm Thế T **07 năm tù** về tội **"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **12/01/2022.**

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

4. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Về trách nhiệm dân sự: Không.

+ Về tang vật: Không.

5. Án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Bị cáo Phạm Thế T phải chịu **200.000 đồng** án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Các bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại HN;
- VKSND cấp cao tại HN;
- Viện kiểm sát ND TP Hà Nội;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Công an TP Hà Nội;
- Cục Thi hành án DS TP Hà Nội;
- Trại tạm giam số 1, Công an TP Hà Nội;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Thị Thanh Thủy